

**SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Số: 653/QĐ-SGDHN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy chế Giao dịch Chứng khoán niêm yết
tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2398/QĐ-BTC ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 58/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐQT ngày 11/10/2018 của Hội đồng Quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thống nhất thông qua dự thảo Quy chế Giao dịch Chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 5744/UBCK-PTTT ngày 05/9/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành Quy chế giao dịch chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Hệ thống Giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giao dịch chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/11/2018 và thay thế Quyết định số 529/QĐ-SGDHN ngày 25/08/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 3. Giám đốc Phòng Tổng hợp – Pháp chế, Giám đốc Phòng Hệ thống Giao dịch, Giám đốc các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN;
- HĐQT;
- Các CTCK Thành viên;
- Các công ty niêm yết;
- TTLKCK;
- NH Chỉ định thanh toán;
- Lưu: VT, HTGD.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Thị Hoàng Lan

**QUY CHẾ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT
TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 653/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 10 năm 2018
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sau đây viết tắt là “SGDCK”).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Hệ thống giao dịch chứng khoán niêm yết tại SGDCK (sau đây viết tắt là “hệ thống giao dịch”) là hệ thống công nghệ dùng cho hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết tại SGDCK.

2. Thành viên giao dịch tại SGDCK (sau đây viết tắt là thành viên) là công ty chứng khoán được SGDCK chấp thuận trở thành thành viên giao dịch.

3. Đại diện giao dịch là nhân viên do thành viên cử và được SGDCK chấp thuận cấp thẻ đại diện giao dịch để thực hiện việc nhập lệnh của thành viên vào hệ thống lệnh của SGDCK.

4. Hệ thống nhập lệnh của SGDCK là một phần của hệ thống giao dịch, bao gồm hệ thống máy tính tại phòng nhập lệnh khẩn cấp của SGDCK và hệ thống máy tính giao dịch từ xa, do đại diện giao dịch sử dụng để nhập lệnh trực tiếp vào hệ thống giao dịch.

5. Giao dịch trực tuyến là việc thành viên sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên kết nối trực tiếp với hệ thống giao dịch để thực hiện giao dịch chứng khoán theo các quy định hiện hành về giao dịch chứng khoán.

6. Hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên là toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính của thành viên kết nối với hệ thống giao dịch của SGDCK để thực hiện giao dịch trực tuyến.

7. Giá thực hiện là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc giá hình thành từ giao dịch thỏa thuận.

8. Giá đóng cửa là mức giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch (không tính các lệnh khớp trong phiên giao dịch sau giờ). Trong trường

hợp không có giá được xác định từ kết quả khớp lệnh trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ GIAO DỊCH

Điều 3. Quy tắc chung

1. SGDCK tổ chức giao dịch đối với các loại chứng khoán niêm yết sau đây:

- a) Cổ phiếu;
- b) Chứng chỉ quỹ ETF;
- c) Các loại chứng khoán khác sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là “UBCKNN”).

2. Chứng khoán niêm yết tại SGDCK phải được giao dịch trên hệ thống giao dịch của SGDCK, ngoại trừ các trường hợp sau:

- a) Các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- b) Các trường hợp xử lý lỗi sau giao dịch thực hiện qua hệ thống của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo các quy định hiện hành;
- c) Các trường hợp khác do SGDCK quyết định sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

3. Các giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch được thực hiện qua thành viên. Hệ thống giao dịch của SGDCK chỉ nhận lệnh từ thành viên thông qua hệ thống nhập lệnh của SGDCK và hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên.

4. Chỉ đại diện giao dịch của thành viên mới được nhập lệnh vào hệ thống nhập lệnh của SGDCK. Hoạt động của đại diện giao dịch phải tuân thủ Quy chế giao dịch này, các quy trình và quy định liên quan của SGDCK về đại diện giao dịch. Thành viên chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của các đại diện giao dịch của mình.

Điều 4. Thời gian giao dịch

1. SGDCK tổ chức giao dịch từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định trong Bộ Luật lao động với các phiên giao dịch trong ngày như sau:

- a) Phiên khớp lệnh liên tục;
- b) Phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa;
- c) Phiên giao dịch sau giờ.

2. Thời gian giao dịch cụ thể do Tổng Giám đốc SGDCK quy định sau khi được UBCKNN chấp thuận.

3. SGDCK quyết định thay đổi thời gian giao dịch trong trường hợp cần thiết sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Tạm ngừng hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết

1. SGDCK tạm ngừng hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết trong trường hợp:

a) Giao dịch không thể thực hiện được như thường lệ do hệ thống giao dịch của SGDCK có sự cố;

b) Khi có một phần tư (1/4) số thành viên SGDCK trở lên bị sự cố về hệ thống chuyển lệnh giao dịch;

c) UBCKNN yêu cầu tạm ngừng giao dịch để ổn định thị trường;

d) Các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn hay các sự cố khác quan khác;

e) Các trường hợp SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Hoạt động giao dịch được tiếp tục ngay sau khi các sự kiện trên được khắc phục. Trường hợp không thể khắc phục được trong ngày thì ngày giao dịch được coi là kết thúc ở lần khớp lệnh cuối cùng trước đó.

3. SGDCK có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định và thông báo thay đổi thời gian giao dịch cho phù hợp.

4. SGDCK thực hiện báo cáo UBCKNN về việc tạm ngừng hoạt động giao dịch chứng khoán và thay đổi thời gian giao dịch trước khi chính thức công bố.

Điều 6. Phương thức giao dịch

1. SGDCK tổ chức giao dịch tất cả các loại chứng khoán niêm yết trên SGDCK thông qua hệ thống giao dịch theo các phương thức giao dịch sau:

1.1. Phương thức khớp lệnh:

Phương thức khớp lệnh bao gồm: Khớp lệnh liên tục, khớp lệnh định kỳ.

a) Phương thức khớp lệnh liên tục là phương thức giao dịch được hệ thống giao dịch thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch;

b) Phương thức khớp lệnh định kỳ là phương thức giao dịch được hệ thống giao dịch thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán tại một thời điểm xác định.

1.2. Phương thức thoả thuận: là phương thức giao dịch trong đó các điều kiện giao dịch được các bên tham gia thoả thuận với nhau và xác nhận thông qua hệ thống giao dịch.

2. Trong trường hợp cần thiết, SGDCK quyết định thay đổi phương thức giao dịch đối với từng loại chứng khoán sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 7. Nguyên tắc khớp lệnh

Hệ thống giao dịch thực hiện so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên về giá và thời gian, cụ thể như sau:

1. Ưu tiên về giá:

- a) Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước;
- b) Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

2. Ưu tiên về thời gian: Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

Điều 8. Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh

1. Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh định kỳ:

a) Là mức giá thực hiện mà tại đó khối lượng giao dịch đạt lớn nhất và tất cả các lệnh mua có mức giá cao hơn, lệnh bán có mức giá thấp hơn giá được chọn phải được thực hiện hết;

b) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn Điểm a, mức giá được lựa chọn thực hiện là mức giá tại đó các lệnh của một bên phải được thực hiện hết, các lệnh của bên đối ứng phải được thực hiện hết hoặc một phần;

c) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn Điểm b, mức giá được chọn là mức giá trùng hoặc gần với mức giá thực hiện gần nhất theo phương thức khớp lệnh;

d) Trường hợp không có mức giá nào thỏa mãn Điểm b, mức giá được chọn là mức giá thỏa mãn Điểm a và trùng hoặc gần với giá thực hiện gần nhất theo phương thức khớp lệnh.

2. Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh liên tục: Giá thực hiện là giá của lệnh đối ứng đang chờ trên sổ lệnh.

Điều 9. Xác lập và hủy bỏ giao dịch

1. Giao dịch chứng khoán được xác lập khi hệ thống giao dịch thực hiện khớp lệnh mua và lệnh bán theo phương thức khớp lệnh hoặc ghi nhận giao dịch theo phương thức thỏa thuận, ngoại trừ có quy định khác do SGDCK ban hành.

2. Bên mua và bên bán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch chứng khoán đã được xác lập.

3. Trong trường hợp giao dịch đã được thiết lập ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các nhà đầu tư hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường, SGDCK có thể quyết định sửa hoặc hủy bỏ giao dịch sau khi báo cáo UBCKNN về việc sửa hoặc hủy bỏ giao dịch trên.

4. Trong trường hợp hệ thống giao dịch gặp sự cố dẫn đến tạm ngừng giao dịch, SGDCK có trách nhiệm báo cáo UBCKNN theo quy định tại Khoản 3, Điều

4, Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán (sau đây viết tắt là “Thông tư số 203/2015/TT-BTC”) và SGDCK căn cứ tình hình khắc phục sự cố để quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả giao dịch.

Điều 10. Lệnh giao dịch khớp lệnh

1. Lệnh giới hạn

a) Lệnh giới hạn (sau đây viết tắt là LO) là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn. Mức giá tốt hơn là mức giá cao hơn mức giá xác định đối với lệnh bán và mức giá thấp hơn mức giá xác định đối với lệnh mua;

b) Lệnh LO được phép nhập vào hệ thống giao dịch trong phiên khớp lệnh liên tục và phiên khớp lệnh định kỳ.

c) Lệnh LO có hiệu lực kể từ khi nhập vào hệ thống giao dịch cho đến khi kết thúc phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

2. Lệnh thị trường

a) Lệnh thị trường là lệnh mua chứng khoán tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường;

b) Lệnh thị trường chỉ được nhập vào hệ thống giao dịch trong phiên khớp lệnh liên tục;

c) Lệnh thị trường sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng. Khi có lệnh đối ứng, lệnh thị trường được thực hiện theo quy định đối với từng loại lệnh thị trường tại Điểm d, Khoản này;

d) Các loại lệnh thị trường:

(i) Lệnh thị trường giới hạn (sau đây viết tắt là MTL) là lệnh thị trường nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh LO mua với mức giá cao hơn mức giá khớp lệnh cuối cùng một đơn vị yết giá hoặc mức giá trần nếu mức giá khớp lệnh cuối cùng là giá trần (đối với lệnh mua) hoặc lệnh LO bán với mức giá thấp hơn mức giá khớp lệnh cuối cùng một đơn vị yết giá hoặc mức giá sàn nếu mức giá khớp lệnh cuối cùng là giá sàn (đối với lệnh bán);

Lệnh MTL được chuyển thành lệnh LO phải tuân thủ các quy định về sửa, hủy đối với lệnh LO.

(ii) Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (sau đây viết tắt là MOK) là lệnh thị trường nếu không được thực hiện toàn bộ thì bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập;

(iii) Lệnh thị trường khớp và hủy (sau đây viết tắt là MAK) là lệnh thị trường có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần, phần còn lại của lệnh sẽ bị hủy ngay sau khi khớp lệnh.

3. Lệnh giao dịch tại mức giá đóng cửa (sau đây viết tắt là ATC):



- a) Là lệnh đặt mua hoặc đặt bán chứng khoán tại mức giá đóng cửa;
- b) Khối lượng của lệnh ATC bên mua (hoặc bên bán) được cộng vào khối lượng của bên mua (hoặc bên bán) tại mỗi mức giá để xác định khối lượng giao dịch tại mỗi mức giá trong khi khớp lệnh định kỳ;
- c) Lệnh ATC được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi phân bổ lệnh khớp;
- d) Nếu trong phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa chỉ có lệnh ATC ở hai bên sổ lệnh thì giá khớp lệnh được xác định như sau:
 - (i) bằng giá thực hiện gần nhất nếu tổng khối lượng lệnh mua bằng tổng khối lượng lệnh bán;
 - (ii) bằng giá thực hiện gần nhất cộng một (01) đơn vị yết giá nếu tổng khối lượng mua lớn hơn tổng khối lượng bán;
 - (iii) bằng giá thực hiện gần nhất trừ một (01) đơn vị yết giá nếu tổng khối lượng mua nhỏ hơn tổng khối lượng bán;
- e) Lệnh ATC chỉ được nhập vào hệ thống trong phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa. Sau thời điểm khớp lệnh, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

4. Lệnh giao dịch khớp lệnh sau giờ (sau đây viết tắt là PLO)

- a) Lệnh PLO là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá đóng cửa sau khi kết thúc phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa;
- b) Lệnh PLO chỉ được nhập vào hệ thống trong phiên giao dịch sau giờ;
- c) Lệnh PLO được khớp ngay khi nhập vào hệ thống nếu có lệnh đối ứng chờ sẵn. Giá thực hiện là giá đóng cửa của ngày giao dịch;
- d) Trong trường hợp trong phiên khớp lệnh liên tục và khớp lệnh định kỳ đóng cửa không xác định được giá thực hiện khớp lệnh, lệnh PLO sẽ không được nhập vào hệ thống;
- e) Kết thúc phiên giao dịch sau giờ, các lệnh PLO không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

Điều 11. Nội dung của các loại lệnh giao dịch khớp lệnh

1. Số hiệu lệnh.
2. Loại lệnh.
3. Lệnh mua hoặc bán.
4. Mã chứng khoán.
5. Khối lượng.
6. Giá (nếu có).
7. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư.

Điều 12. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch khớp lệnh

SGDCK xác nhận kết quả khớp lệnh liên tục với các nội dung sau:

1. Số hiệu lệnh giao dịch.
2. Số hiệu xác nhận giao dịch.
3. Loại lệnh.
4. Mã chứng khoán.
5. Giá thực hiện.
6. Khối lượng thực hiện.
7. Thời gian giao dịch được thực hiện.
8. Lệnh mua hoặc bán.
9. Ký hiệu của lệnh.
10. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư.
11. Mã thành viên.
12. Các nội dung khác theo quy định của SGDCK.

Điều 13. Ký hiệu lệnh giao dịch khớp lệnh

Các ký hiệu lệnh giao dịch đối với lệnh nhập vào hệ thống giao dịch bao gồm:

Loại nhà đầu tư	Ký hiệu lệnh
Thành viên giao dịch tự doanh	P
Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại thành viên giao dịch	C
Nhà đầu tư nước ngoài lưu ký tại thành viên giao dịch, tổ chức lưu ký trong nước hoặc tổ chức lưu ký nước ngoài; Tổ chức lưu ký nước ngoài tự doanh	F
Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại tổ chức lưu ký trong nước hoặc tại tổ chức lưu ký nước ngoài; Tổ chức lưu ký trong nước tự doanh	M

Điều 14. Sửa, huỷ lệnh giao dịch khớp lệnh

1. Việc sửa, huỷ lệnh giao dịch khớp lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.

2. Trong phiên khớp lệnh liên tục: Lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và huỷ lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được xác định như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng;

b) Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng và/hoặc sửa giá.

3. Trong phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa: không được phép sửa, hủy các lệnh LO, ATC (bao gồm cả các lệnh LO được chuyển từ phiên khớp lệnh liên tục sang).

4. Trong phiên giao dịch sau giờ: Lệnh PLO không được phép sửa, hủy.

5. Thành viên phải tuân thủ quy trình sửa, hủy lệnh giao dịch do SGDCK ban hành.

Điều 15. Lệnh chào giao dịch thỏa thuận

1. Trong thời gian giao dịch thỏa thuận, lệnh chào giao dịch thỏa thuận được nhập vào hệ thống giao dịch của SGDCK gồm các nội dung sau:

- a) Mã chứng khoán;
- b) Khối lượng;
- c) Giá;
- d) Lệnh chào mua hoặc chào bán;

2. Lệnh chào giao dịch thỏa thuận có thể gửi đến một đối tác hoặc toàn bộ thị trường theo yêu cầu của nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư không yêu cầu cụ thể, lệnh chào giao dịch thỏa thuận được gửi đến toàn bộ thị trường.

Điều 16. Lệnh giao dịch thỏa thuận

1. Nội dung giao dịch thỏa thuận do thành viên bên mua và bên bán nhập vào hệ thống giao dịch gồm:

- a) Mã chứng khoán;
- b) Giá thực hiện;
- c) Khối lượng;
- d) Tài khoản nhà đầu tư mua;
- e) Tài khoản nhà đầu tư bán;
- f) Các nội dung khác theo quy định của SGDCK.

2. Giao dịch thỏa thuận được thực hiện theo nguyên tắc bên bán nhập lệnh giao dịch vào hệ thống và bên mua xác nhận giao dịch thỏa thuận.

3. Giao dịch thỏa thuận của cổ phiếu mới được niêm yết hoặc giao dịch trở lại sau hai mươi lăm (25) ngày tạm ngừng giao dịch không được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến khi có giá đóng cửa được xác lập.

4. Trình tự thực hiện giao dịch được quy định trong Quy trình giao dịch thỏa thuận do SGDCK ban hành.

Điều 17. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch thỏa thuận

SGDCK xác nhận kết quả giao dịch thỏa thuận với các nội dung sau:

- 1. Mã chứng khoán.
- 2. Số hiệu lệnh gốc.
- 3. Số hiệu lệnh liên quan.

4. Giá.
5. Khối lượng.
6. Trạng thái giao dịch.
7. Thời gian hoàn tất giao dịch trên hệ thống.
8. Ký hiệu thành viên bên mua và bên bán.
9. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư bên mua và bên bán.

Điều 18. Sửa, hủy lệnh giao dịch thỏa thuận

1. Giao dịch thỏa thuận đã được xác nhận trên hệ thống giao dịch không được phép hủy bỏ.

2. Trong thời gian giao dịch, trường hợp đại diện giao dịch nhập sai lệnh giao dịch thỏa thuận của nhà đầu tư, đại diện giao dịch được phép sửa giao dịch thỏa thuận nhưng phải xuất trình lệnh gốc của nhà đầu tư; phải được bên đối tác chấp thuận việc sửa đó và được SGDCK chấp thuận.

3. Việc sửa lệnh giao dịch thỏa thuận phải tuân thủ Quy trình sửa lệnh giao dịch thỏa thuận do SGDCK ban hành.

Điều 19. Sửa lỗi sau giao dịch

Sau khi kết thúc giao dịch, nếu thành viên phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống giao dịch, thành viên phải báo cáo SGDCK về lỗi giao dịch và chịu trách nhiệm giải quyết với nhà đầu tư về lỗi giao dịch của mình. Việc sửa lỗi sau giao dịch của thành viên phải tuân thủ Quy trình sửa lỗi sau giao dịch do TTLCKK ban hành.

Điều 20. Ký quỹ giao dịch

Nhà đầu tư thực hiện ký quỹ tiền và chứng khoán khi thực hiện giao dịch chứng khoán niêm yết theo quy định của Bộ Tài chính và UBCKNN.

Điều 21. Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng khoán niêm yết theo quy định tại Thông tư số 203/2015/TT-BTC.

2. Khối lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua được tính toán theo nguyên tắc sau:

a) Đối với giao dịch khớp lệnh:

(i) Khối lượng cổ phiếu mua của nhà đầu tư nước ngoài được trừ vào khối lượng được phép mua ngay sau khi lệnh mua được thực hiện; khối lượng cổ phiếu bán của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng cổ phiếu được phép mua ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch.

(ii) Lệnh mua hoặc một phần lệnh mua cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài chưa được thực hiện sẽ không được khớp nếu khối lượng cổ phiếu nhà đầu tư



nước ngoài được phép mua đã hết và lệnh mua được nhập tiếp vào hệ thống giao dịch sẽ không được chấp nhận.

b) Đối với giao dịch thỏa thuận:

(i) Khối lượng cổ phiếu còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được giảm xuống ngay sau khi giao dịch thỏa thuận được thực hiện nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài mua với một nhà đầu tư trong nước bán.

(ii) Khối lượng cổ phiếu còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được tăng lên ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa một nhà đầu tư nước ngoài bán với một nhà đầu tư trong nước mua.

(iii) Khối lượng cổ phiếu còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai nhà đầu tư nước ngoài với nhau. Hệ thống cho phép giao dịch thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện kể cả trong trường hợp khối lượng giao dịch thỏa thuận lớn hơn khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài.

Chương III

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Điều 22. Đơn vị giao dịch

1. Đơn vị giao dịch lô chẵn đối với giao dịch khớp lệnh là 100 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF.

2. Không quy định đơn vị giao dịch đối với giao dịch thỏa thuận cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF. Áp dụng khối lượng giao dịch tối thiểu đối với giao dịch thỏa thuận là 5.000 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF.

3. Giao dịch lô lẻ có khối lượng từ 01 đến 99 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Quy chế này.

4. SGDCK quyết định thay đổi đơn vị giao dịch khi cần thiết sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 23. Đơn vị yết giá

1. Đơn vị yết giá quy định đối với giao dịch khớp lệnh cổ phiếu là 100 đồng;

2. Đơn vị yết giá quy định đối với giao dịch thỏa thuận cổ phiếu là 1 đồng;

3. Đơn vị yết giá quy định đối với giao dịch chứng chỉ quỹ ETF là 1 đồng.

Điều 24. Biên độ dao động giá

1. SGDCK quy định biên độ dao động giá đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF trong ngày giao dịch sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Handwritten signature

2. Biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết và ngày đầu tiên giao dịch trở lại đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch là $\pm 30\%$ so với giá tham chiếu.

3. Biên độ dao động giá đối với trường hợp trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu, tách doanh nghiệp niêm yết trong ngày không hưởng quyền là $\pm 30\%$ so với giá tham chiếu.

4. SGDCK quyết định thay đổi biên độ dao động giá khi cần thiết sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 25. Giới hạn dao động giá

1. Giới hạn dao động giá đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF được xác định như sau:

Giá trần = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá).

Giá sàn = Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá).

2. Trường hợp sau khi tính toán, giá trần và giá sàn bằng giá tham chiếu, giới hạn dao động giá được xác định lại như sau:

Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá

Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu - 01 đơn vị yết giá.

3. Trường hợp giá tham chiếu bằng 100 đồng, giới hạn dao động giá được xác định lại như sau:

Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá

Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu.

Điều 26. Giá tham chiếu

1. Giá tham chiếu của cổ phiếu trong ngày giao dịch là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

2. Việc xác định giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên được quy định như sau:

a) Giá tham chiếu được áp dụng đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên do tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ và tổ chức tư vấn niêm yết (nếu có) đề xuất;

b) Trường hợp trong ba (03) ngày giao dịch liên tục kể từ ngày giao dịch đầu tiên chưa xác định được mức giá đóng cửa được sử dụng là giá tham chiếu trong ngày giao dịch kế tiếp, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ và tổ chức tư vấn niêm yết (nếu có) phải xác định lại giá tham chiếu.

3. Trường hợp cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch, khi được giao dịch trở lại, giá tham chiếu do SGDCK quyết định sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

4. Trường hợp giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF không được hưởng cổ tức và các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chuyển đổi;

b) Doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền với giá trị số tiền lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền;

c) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành cao hơn giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh theo các quyền khác (nếu có);

d) Doanh nghiệp thực hiện trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.

5. Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.

6. Trong một số trường hợp cần thiết, SGDCK có thể áp dụng phương pháp xác định giá tham chiếu khác sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 27. Giao dịch lô lẻ

1. Giao dịch lô lẻ được thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục và phương thức thỏa thuận trên hệ thống giao dịch hoặc các hình thức khác do SGDCK quyết định sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Nhà đầu tư chỉ được phép nhập lệnh LO đối với giao dịch lô lẻ và phải tuân thủ quy định về sửa, hủy lệnh LO tương tự đối với giao dịch lô chẵn.

3. Đơn vị giao dịch lô lẻ là 01 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF.

4. Giá giao dịch:

a) Giá của lệnh giao dịch lô lẻ phải tuân thủ theo các quy định về giá giao dịch tương tự giao dịch lô chẵn;

b) Các lệnh giao dịch lô lẻ không được sử dụng để xác định giá đóng cửa, giá tham chiếu, giá tính chỉ số.

5. Giao dịch lô lẻ của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF mới được niêm yết hoặc giao dịch trở lại sau hai năm (25) ngày tạm ngừng giao dịch không được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến khi có giá đóng cửa được xác lập.

Chương IV

CÁC GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT

Điều 28. Giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu quỹ, bán cổ phiếu quỹ trên hệ thống giao dịch của SGDCK phải tuân thủ quy định về giao dịch cổ phiếu quỹ tại Điều 8, Thông tư số 203/2015/TT-BTC.

2. Trường hợp sau khi tính toán, giá đặt cao nhất, thấp nhất để thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ bằng với giá tham chiếu thì thực hiện theo giá tham chiếu.

3. Tổ chức niêm yết thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ không theo các quy định tại Khoản 1, 2 Điều này phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN ít nhất ba (3) ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch.

Điều 29. Giao dịch tạo lập thị trường

Hoạt động giao dịch tạo lập thị trường phải tuân thủ các quy định tại Điều 12, Thông tư số 203/2015/TT-BTC và Quy chế hướng dẫn hoạt động tạo lập thị trường do SGDCK ban hành.

Điều 30. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan

1. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, người nội bộ của tổ chức niêm yết và người có liên quan phải tuân thủ các quy định tại Luật Chứng khoán và nghĩa vụ công bố thông tin quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Người thực hiện giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch nêu trên theo quy định của pháp luật.

Chương V

CẢNH BÁO, KIỂM SOÁT, HẠN CHẾ, TẠM NGỪNG GIAO DỊCH ĐỐI VỚI CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Điều 31. Ký hiệu trạng thái chứng khoán

SGDCK quy định các ký hiệu đối với trạng thái chứng khoán niêm yết trong ngày giao dịch (Phụ lục đính kèm).

Thành viên có trách nhiệm cung cấp thông tin về trạng thái chứng khoán trong ngày giao dịch cho nhà đầu tư trên các phương tiện công bố thông tin.

Điều 32. Cảnh báo, kiểm soát chứng khoán niêm yết

1. Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo, kiểm soát theo quy định tại Quy chế niêm yết chứng khoán tại SGDCK.

2. SGDCK áp dụng ký hiệu “DS” đối với chứng khoán bị cảnh báo và ký hiệu “C” đối với các chứng khoán bị kiểm soát trên hệ thống giao dịch.

3. Sau khi tổ chức niêm yết khắc phục được các tình trạng dẫn đến việc chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, SGDCK sẽ hủy bỏ các ký hiệu nêu trên.

Điều 33. Hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch chứng khoán niêm yết

1. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch theo quy định tại Quy chế niêm yết chứng khoán của SGDCK.

2. SGDCK thực hiện hạn chế giao dịch và áp dụng ký hiệu “L” đối với các chứng khoán bị hạn chế giao dịch; thực hiện tạm ngừng giao dịch và áp dụng ký hiệu “H” đối với các chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch.

3. Chứng khoán được phép giao dịch bình thường sau thời gian hạn chế giao dịch; giao dịch trở lại sau thời gian bị tạm ngừng giao dịch được thực hiện theo quy định tại Quy chế niêm yết chứng khoán của SGDCK.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. SGDCK chịu trách nhiệm ban hành các quy trình nghiệp vụ phù hợp với Quy chế này và thực hiện giám sát việc tuân thủ quy chế này của các thành viên.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN và được Hội đồng Quản trị SGDCK thông qua. /.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Thị Hoàng Lan

Phụ lục: Ký hiệu các trạng thái chứng khoán trong ngày giao dịch
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 653/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 10 năm 2018
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

Trạng thái chứng khoán	Ký hiệu
Bình thường	P
Niên yết mới	N
Niên yết bổ sung	I
Giảm vốn	D
Ngày giao dịch không hưởng cổ tức	XD
Ngày giao dịch không hưởng lãi	XI
Ngày giao dịch không hưởng quyền mua	XR
Ngày giao dịch không hưởng quyền họp đại hội cổ đông	M
Bị cảnh báo	DS
Bị kiểm soát	C
Bị tạm ngừng giao dịch	H
Chứng khoán hạn chế giao dịch (Chứng khoán không được giao dịch trong ngày)	L

Handwritten signature and red circular stamp.